

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU SƠN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 08 /2024/DS- ST
Ngày: 19 – 04 - 2024
Về việc: “*Tranh chấp hợp
đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+ *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thủy

+ *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Xuân Anh và bà Đào Thị Hiền

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Sỹ Vĩ – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện
Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- *Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn:* Bà Nguyễn
Thị Lan.

Ngày 19 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn xét
xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 62/2023/TLST-DS ngày 03
tháng 11 năm 2023, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quyết định đưa
vụ án ra xét xử số 10/2024/QĐST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2024 và quyết định
hoãn phiên tòa số 07 ngày 21 tháng 03 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP Đ(SBANK).

Địa chỉ: 198 T, phường L, quận H, Thành Phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn T.

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT của Ngân hàng TMCP Đ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Đình K – Chức vụ: Phó giám đốc Ngân
hàng TMCP Đ.

Người được ủy quyền lại: Ông Lê Xuân H – Chức vụ: Giám đốc chi nhánh
Thanh Hóa.

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Tuấn L – Chức vụ: Chuyên viên Chính
xử lý nợ địa bàn Miền Trung – Ngân hàng TMCP Đ. (Có đơn đề nghị xét xử vắng
mặt)

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Ánh N (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 4, xã M (Nay là tổ dân phố 4, thị trấn T), huyện T, tỉnh Thanh
Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 23/09/2020, bà Nguyễn Thị Ánh N đã ký kết và thực hiện việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đ theo “Đơn đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm kiêm Hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng dịch vụ hằng ngày (sau đây gọi tắt là Đơn đề nghị), Số HĐ: 23092020/THA/NTAN ký ngày 23/09/2020”, cụ thể:

- + Số tiền vay: 130.000.000 VND (*Một trăm ba mươi triệu đồng*);
- + Mục đích sử dụng: Vay tiêu dùng;
- + Thời hạn vay vốn: 60 tháng, tính từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân là ngày 25/09/2020 đến ngày 25/09/2025;
- + Lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 15.49%/năm. Lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh định kỳ vào ngày làm việc đầu tiên của mỗi quý khi có sự thay đổi của lãi suất cơ sở do SBANK ban hành từng thời kỳ. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng (=) Lãi suất cơ sở do SBANK ban hành trong từng thời kỳ áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng với (+) biên độ 6.59%/năm;
- + Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn (lãi suất quá hạn): Bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Mức lãi suất này được áp dụng kể từ thời điểm khoản nợ gốc của Bên vay bị chuyển quá hạn đến khi Bên vay thanh toán hết nợ gốc quá hạn;
- + Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: Bằng 10%/năm tính trên số dư nợ lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất này được áp dụng kể từ thời điểm khoản tiền lãi của bên vay bị quá hạn đến khi bên vay thanh toán hết khoản tiền lãi quá hạn;
- + Phương thức trả nợ: Bên được cấp tín dụng phải trả nợ gốc và lãi cho SBANK theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 20.

Số tiền bà Nguyễn Thị Ánh N đã nhận nợ và SBANK đã giải ngân theo Đơn đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm kiêm Hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng dịch vụ hằng ngày (sau đây gọi tắt là Đơn đề nghị), Số HĐ: 23092020/THA/NTAN ký ngày 23/09/2020 là: 130.000.000 VND (*Một trăm ba mươi triệu đồng*).

Tài sản bảo đảm cho khoản vay: Không áp dụng biện pháp bảo đảm bằng tài sản.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng nói trên, bà Nguyễn Thị Ánh N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi cho SBANK kể từ ngày 22/11/2021 cho đến nay. SBANK đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu bà Nguyễn Thị Ánh N trả nợ nhưng bà Nguyễn Thị Ánh N vẫn không thực hiện theo yêu cầu của Ngân hàng, có biểu hiện kéo dài thời gian và cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 21/07/2023, bà N đã thanh toán được cho SBANK số tiền gốc là: **28.197.289** đồng (*Hai mươi tám triệu, một trăm chín mươi bảy nghìn, hai trăm tám mươi chín đồng*).

Tính đến ngày 19/4/2024, bà Nguyễn Thị Ánh N đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trả nợ tại SBANK, quá hạn trả nợ là 878 ngày và tổng số tiền nợ SBANK là: **154.470.767đ** (*Một trăm năm tư nghìn, bốn trăm bảy mươi nghìn, bảy trăm sáu bảy đồng*), cụ thể như sau: Nợ gốc: 101.802.711 đồng; Nợ lãi: 52.669.056 đồng.

Trên cơ sở những nội dung đã trình bày như trên, Ngân hàng TMCP Đ đề nghị Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa xem xét giải quyết tranh chấp như sau:

- Buộc bà Nguyễn Thị Ánh N phải trả nợ cho SBANK tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 19/4/2024 là: **154.470.767đ** (*Một trăm năm tư nghìn, bốn trăm bảy mươi nghìn, bảy trăm sáu bảy đồng*), cụ thể như sau: Nợ gốc: 101.802.711 đồng; Nợ lãi: 52.669.056 đồng.

- Buộc bà Nguyễn Thị Ánh N tiếp tục thanh toán cho SBANK số tiền lãi, phí phát sinh theo các mức lãi suất, phí đã thỏa thuận trong Đơn đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm kiêm Hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng dịch vụ hàng ngày (sau đây gọi tắt là Đơn đề nghị), Số HĐ: 23092020/THA/NTAN ký ngày 23/09/2020, kể từ ngày 22/07/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ tại SBANK.

- Trường hợp bà Nguyễn Thị Ánh N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho SBANK thì SBANK có quyền yêu cầu Cơ Quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành niêm phong, thu giữ, kê biên các khoản lương, thưởng, phụ cấp, trợ cấp, tiền bảo hiểm xã hội theo chế độ lao động của bà Nguyễn Thị Ánh N hoặc kê biên/bán/chuyển nhượng các tài sản khác của bà Nguyễn Thị Ánh N để thu hồi khoản nợ của bà Nguyễn Thị Ánh N tại SBANK.

Đối với bị đơn là bà Nguyễn Thị Ánh N, sau khi Tòa án thụ lý vụ án, ngày 23/11/2023 Tòa án tiến hành xác minh tại địa chỉ cư trú (địa chỉ ký kết trong hợp đồng Số HĐ: 23092020/THA/NTAN ký ngày 23/09/2020 là thôn 4, xã M, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Nay là tổ dân phố 4, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa), qua báo cáo của UBND thị trấn T cho biết bà Nguyễn Thị Ánh N có hộ khẩu tại tổ dân phố 4, thị trấn T, huyện Triệu Sơn, chưa chuyển khẩu đi nơi khác, không có mặt tại địa phương. Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng và các giấy triệu tập hợp lệ để bà N đến Tòa án cung cấp lời khai, tham dự phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng bà N không đến Tòa án, không có lý do, nên vụ án được đưa ra xét xử để Hội đồng xét xử xem xét và quyết định.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn tham gia phiên tòa có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468, của Bộ luật dân sự, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP Đ. Buộc bà Nguyễn Thị Ánh N phải trả cho Ngân hàng số tiền **154.470.767đ** (*Một trăm năm tư nghìn, bốn trăm bảy mươi nghìn, bảy trăm sáu bảy đồng*), cụ thể

như sau: Nợ gốc: 101.802.711 đồng; Nợ lãi: 52.669.056 đồng. Tiếp tục tính lãi suất theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ sau ngày tuyên án. Về án phí: Buộc bà N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Trả lại số tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” đối với bà Nguyễn Thị Ánh N, địa chỉ ký kết trong hợp đồng là: thôn 4, xã M, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, (Nay là tổ dân phố 4, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa). Quá trình giải quyết vụ án, bà N không có mặt tại địa phương, khi thay đổi địa chỉ bà N không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú, làm cho người khởi kiện không biết được, nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện. Vì vậy căn cứ vào quy định tại Điều 26 và điểm e khoản 1 Điều 192, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Bà Nguyễn Thị Ánh N đã được Tòa án tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ, mặc dù không vì sự kiện bất khả kháng và trở ngại khách quan nào, nhưng không đến Tòa án, không có lý do.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy căn cứ vào Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ thì thấy: Đơn đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm kiêm Hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng dịch vụ hăng ngày (sau đây gọi tắt là Đơn đề nghị), Số HĐ: 23092020/THA/NTAN ký ngày 23/09/2020 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Đ và bà Nguyễn Thị Ánh N là do các bên tự nguyện, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật, nên có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành. Bà N đã được ngân hàng giải ngân khoản tiền vay bằng 130.000.000đ.

[2.2]. Về nghĩa vụ trả nợ: Bà Nguyễn Thị Ánh N ký hợp đồng tín dụng Số HĐ: 23092020/THA/NTAN ký ngày 23/09/2020 với Ngân hàng TMCP Đ để vay và được giải ngân 130.000.000 VND (*Một trăm ba mươi triệu đồng*). Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà N vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi cho ngân hàng SBANK, kể từ ngày 22/11/2021 đến nay. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Nguyễn Thị Ánh N mới thanh toán được cho SBANK số tiền gốc là: **28.197.289** đồng (*Hai mươi tám triệu, một trăm chín mươi bảy nghìn, hai trăm tám mươi chín đồng*). Mặc dù đã được đôn đốc nhắc nhở nhiều lần nhưng bà N vẫn không thực hiện nghĩa vụ đối với Ngân hàng. Đến nay đã quá hạn thời hạn trả nợ gốc và lãi là 878 ngày, nhưng bà N vẫn

không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, vi phạm hợp đồng mà hai bên đã ký kết. Vì vậy có căn cứ để Hội đồng xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng, buộc bà N phải trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 19 tháng 4 năm 2024 bằng **154.470.767đ** (*Một trăm năm tư nghìn, bốn trăm bảy mươi nghìn, bảy trăm sáu bảy đồng*), cụ thể như sau:

+ Nợ gốc: 101.802.711 đồng;

+ Nợ lãi: 52.669.056 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà N còn phải chịu theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ánh N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điểm e khoản 1 Điều 192, Điều 238, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 2 Điều 26, Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, điểm b, tiểu mục 1.3, mục 1 phần II, danh mục án phí ban hành kèm theo Nghị quyết.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ.

Buộc bà Nguyễn Thị Ánh N phải có trách nhiệm thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền cụ thể tính đến ngày 19/04/2024 như sau:

+ Nợ gốc: 101.802.711 đồng;

+ Nợ lãi: 52.669.056 đồng.

Tổng = **154.470.767đ** (*Một trăm năm tư nghìn, bốn trăm bảy mươi nghìn, bảy trăm sáu bảy đồng*)

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà N còn phải chịu theo mức lãi suất được ký kết giữa bà với Ngân hàng TMCP Đ trong hợp đồng số 23092020/THA/NTAN ký ngày 23/09/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ánh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.723.502 đồng (bảy triệu, bảy trăm hai ba nghìn, năm trăm linh hai đồng).

Trả lại cho Ngân hàng TMCP Đ, số tiền tạm ứng án phí 4.936.000đ theo biên lai số A A/2023/ 0002686 ngày 03/11/2023 tại Chi cục Thi hành án huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa
- VKS Triệu Sơn
- Các đương sự
- Thi hành án
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thủy